

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày 18-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Dương Phong Thương.

+ Ông Lệnh Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Anh Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS, ngày 29 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Giàng Mìn S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29 tháng 9 năm 1992 tại xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Chấn D (đã chết) và bà Sùng Thị D; Sinh năm 1965; Vợ: Sùng Thị O; Sinh năm: 1991; 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2024 đến ngày 08/5/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức bảo lãnh. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Lan Hương là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị hại:

+ Chị Cư Thị P; Sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn L, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Anh : Nguyễn Chí T; Sinh năm: 1977. Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, thành phố H. Có đơn xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

Chị Tạ Thị Mai A, sinh năm 2005; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện T, thành phố H. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi ăn cơm, uống rượu vào trưa ngày 24/12/2023 tại người nhà của bị hại tại xã Q, huyện Q, bị cáo và mọi người có rủ nhau đến gia đình con gái của chị Cư Thị P ở xã Đ, huyện Q. Vào khoảng hơn 16 giờ cùng ngày bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23B1-576.49 của mình chở bà Cư Thị P đi từ xã Q theo hướng đi huyện Đ khi đến km 52 + 900 Quốc lộ 4C thuộc thôn C, xã Đ, huyện Q thì xảy ra tai nạn với xe mô tô biển kiểm soát 23D1-494.97 do anh Nguyễn Chí T điều khiển chở theo người ngồi sau là chị Tạ Thị Mai A đang đi ngược chiều. Do đường cua, khuất tầm nhìn, bị cáo điều khiển xe đi không đúng phần đường theo hướng đi của mình, lấn sang phần đường bên tay trái, trong tình trạng đã uống rượu nên khi gặp xe mô tô đi ngược chiều đã không kịp xử lý tình huống, dẫn đến việc xe của bị cáo đâm vào xe mô tô của anh T đang đi ngược chiều hậu quả anh Nguyễn Chí T bị vỡ xương hàm mặt bên trái, xây sát da mặt trước cằm chân trái; Bà Cư Thị P bị chấn thương vùng đầu, bị cáo bị rách da ở mu bàn chân trái. Về phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 23B1-576.49 và xe mô tô biển kiểm soát 23D1-494.97 bị hư hỏng nhẹ phần vỏ bên ngoài. Sau khi sự việc xảy ra cả 03 người được đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Q để cấp cứu, sau đó bà Cư Thị P được chuyển về Bệnh viện đa khoa tỉnh H điều trị, còn anh Nguyễn Chí T xin chuyển tuyến về Bệnh viện Quân Y thành phố H để điều trị.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường cua, mặt đường trải nhựa, mặt đường rộng 6,2 mét, có kẻ vạch 1.1 (*vạch vàng, nét đứt*), tốc độ tối đa cho phép đối với xe mô tô là 60km/h. Vị trí va chạm cách mép đường bên trái theo hướng huyện Q đi huyện Đ là 1,75 mét, như vậy bị cáo đã điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi của mình là 1,35 mét. Kết quả kiểm tra nồng độ cồn hồi 17 giờ 28 phút ngày 24/12/2023: Nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo Giàng Mìn S là 0.847 miligam/lít khí thở.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Giàng Mìn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo S phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Kết quả trưng cầu giám định giấy phép lái xe của Nguyễn Chí T và Giàng Mìn S, tại kết luận giám định số: 40/KL-KTHS, kết luận: “02 giấy phép lái xe ký hiệu A1, A2 gửi giám định đều là giấy phép lái xe thật”.

Kết quả giám định ma túy đối với mẫu máu của Giàng Mìn S (ký hiệu A1) và mẫu nước tiểu của Nguyễn Chí T (ký hiệu A2). Tại kết luận giám định số: 66/KL-KTHS ngày 12/01/2024 của Viện khoa Học hình sự - Bộ Công an kết luận:

‘Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu ký hiệu A1 và mẫu nước tiểu ký hiệu A2 gửi giám định’.

Tại kết luận giám định số: 18/KLTTCT-TTPY ngày 24/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang đối với thương tích của bà Cư Thị P kết luận: *‘Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Cư Thị P tại thời điểm giám định là: 66% (sáu mươi sáu phần trăm). Kiến nghị: Thương tích gãy cũ di lệch 1/3 ngoài xương đòn trái. Hiện tại chưa can xương, nên chưa có cơ sở để đánh giá mức độ can xương tốt hay xấu. Vậy đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q trung cầu giám định bổ sung khi xương đã can (khoảng 2-3 tháng)’.*

Kết luận giám định bổ sung số: 56/KLTTCT-TTPY ngày 11/4/2024 Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang kết luận: *‘Gãy giữa xương đòn trái, can liền xấu, gò, ảnh hưởng đến gánh, vác: Tỷ lệ tổn thương cơ thể bà Cư Thị P tại thời điểm giám định là 18% (Mười tám phần trăm). Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Cư Thị P tại hai bản kết luận giám định số: 18/KLTTCT-TTPY, ngày 24/01/2024 và Kết luận giám định bổ sung số: 56/KLTTCT-TTPY, ngày 11/4/2024 là: 72% (bảy mươi hai phần trăm)’.*

Kết luận giám định số: 57/KLTTCT-TTPY ngày 11/4/2024 Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang đối với thương tích của anh Nguyễn Chí T kết luận: *‘Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Chí T tại thời điểm giám định là: 11% (mười một phần trăm). Kiến nghị: Hiện tại thương tích gãy xương gò má trái, cung tiếp gò má trái, thành bên ổ mắt trái còn dụng cụ kết hợp xương, xương chưa can, nên chưa đánh giá được mức độ can xấu hay tốt. Vậy đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Q trung cầu giám định bổ sung khi xương đã can, tháo phương tiện kết hợp xương’.*

Kết luận giám định bổ sung số: 167/KLTTCT-TTPY ngày 07/10/2024 Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang kết luận: *‘Gãy cũ xương gò má trái và cung tiếp gò má trái, thành bên ổ mắt trái, không ảnh hưởng chức năng, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Chí T tại thời điểm giám định là 08%. Tổng tỷ lệ phần trăm thương tích tại Bản kết luận giám định thương tích số: 57/KLTTCT-TTPY, ngày 11/4/2024 và Bản kết luận giám định thương tích bổ sung số: 167/KLTTCT-TTPY, ngày 07/10/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang là 18% (mười tám phần trăm)’.*

Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTXTTTHS ngày 29/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Q, tỉnh Hà Giang đối với các bộ phận bị hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát: 23D1-494.97 kết luận: *‘Tổng giá trị của tài sản bị hư hỏng là 780.000đ (bảy trăm tám mươi nghìn đồng)’.*

Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã thu giữ các đồ vật, tài liệu và xử lý như sau:

+ 01 xe mô tô, biển số đăng ký: 23B1-576.49; Nhãn hiệu: YAMAHA (đã trả chủ sở hữu)

+ 01 xe mô tô, biển số đăng ký: 23D1-494.97; Nhãn hiệu: HONDA (đã trả chủ sở hữu).

+ 01 giấy phép lái xe hạng: A1, số: 010160023953; Cấp ngày 29/3/2016 (đã trả chủ sở hữu)

+ 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô biển số đăng ký 23D1-494.97 (số: 2123050061448, mang tên Hoàng Minh Phương) đã trả cho chủ sở hữu.

+01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số đăng ký: 23B1-576.49 đã trả cho chủ sở hữu.

+01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô biển số đăng ký: 23B1-576.49 (Số: 23XM230996824) đã trả lại chủ sở hữu.

+01 giấy phép lái xe hạng: A1, số: 020184003253; Cấp ngày 05/6/2018, mang tên Giàng Mìn S.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với chị Cư Thị P, bị cáo Giàng Mìn S đã thỏa thuận, thống nhất bồi thường xong các khoản viện phí, chữa trị vết thương vv... là 30.000.000 đồng. Tại giai đoạn điều tra chị P đề nghị xin miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, tại phiên tòa không yêu cầu bổ sung. Đối với bị hại anh Nguyễn Chí T: Ngày 07/4/2024 bị cáo và anh Nguyễn Chí T đã tự nguyện thỏa thuận: Về tổn hại sức khỏe, anh Nguyễn Chí T không có yêu cầu bồi thường, có yêu cầu bị cáo có trách nhiệm sửa chữa xe mô tô biển kiểm soát 23D1-494.97, bị cáo đã khắc phục xong và anh T đã nhận lại tài sản. Tại phiên tòa anh T có đơn xét xử vắng mặt, không có yêu cầu, đề nghị bổ sung, đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS-QB ngày 28/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Giàng Mìn S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Giàng Mìn S từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thời gian thử thách là 60 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và bị cáo đã tự thỏa thuận, bồi thường xong nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo: 01 giấy phép lái xe hạng: A1, số: 020184003253; Cấp ngày 05/6/2018, mang tên Giàng Mìn S.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường xong cho bị hại, bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, có bố đẻ được tặng thưởng kỷ niệm chương về bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, là lao động chính trong gia đình, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm 6 tháng tù đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo để có cơ hội cải tạo tại địa phương và giúp đỡ gia đình. Về án phí, bị cáo có đơn xin miễn án phí nên đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo Giảng Mìn S nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát đồng tình với các căn cứ của người bào chữa đưa ra, không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

Người đại diện của bị hại và người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng, sau khi có ý kiến của của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ, bị hại, người làm chứng và đều có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh, tình tiết định khung hình phạt: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện của bị hại và người làm chứng không có lời khai bổ sung. Như vậy có đủ căn cứ để xác định: Sau khi ăn cơm, uống rượu vào trưa ngày 24/12/2023, vào khoảng hơn 16 giờ cùng ngày bị cáo điều khiển xe mô tô của bị cáo, biển kiểm soát 23B1-576.49 chở chị Cư Thị P đi từ xã Q theo hướng đi huyện Đ. Khi đến km 52 + 900 Quốc lộ 4C thuộc thôn C, xã Đ, huyện Q thì xảy ra tai nạn với xe mô tô biển kiểm soát 23D1-494.97 do anh Nguyễn Chí T điều khiển chở theo người ngồi sau là chị Tạ Thị Mai A đang đi ngược chiều. Do đường cua, khuất tầm nhìn, bị cáo điều khiển xe đi không đúng phần đường theo hướng đi của mình, lấn sang phần đường bên tay trái là 1,35 mét, do đã uống rượu nên khi gặp xe mô tô đi ngược chiều đã không kịp xử lý tình huống, dẫn đến việc xe mô tô của bị cáo điều khiển đâm vào xe mô

tô của anh T điều khiển đang đi ngược chiều. Hậu quả chị Cur Thị P bị tổn thương cơ thể 72%, anh Nguyễn Chí T tổn thương cơ thể 18%. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ Luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm hai khách thể là trật tự an toàn giao thông đường bộ và tính mạng, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được khi tham gia giao thông thì phải chấp hành đúng quy định về giao thông đường bộ, nhưng bị cáo đã bất chấp quy định, khi uống rượu đã tham gia giao thông, có người ngồi sau, khi vào đường cua không làm chủ được tay lái, gặp tình huống bất ngờ đã không xử lý được, đâm vào xe ngược chiều làm người điều khiển xe ngược chiều và người ngồi sau bị thương tích. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý bằng biện pháp hình sự, đảm bảo tính nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi gây tai nạn bị cáo đã bồi thường xong cho 01 bị hại, 01 bị hại được khắc phục thiệt hại về tài sản và thấy hoàn cảnh bị cáo khó khăn nên không yêu cầu bồi thường về sức khỏe và đề nghị giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bố đẻ được tặng kỷ niệm chương về bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ khác qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, phạm tội do lỗi vô ý, bị có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo chấp hành án có điều kiện như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm, mặt khác cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận thực hiện xong. Tại phiên tòa, các bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Không áp dụng hình phạt bổ sung theo qui định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã trả lại vật chứng là tài sản hợp pháp của các bị hại theo đúng quy định nên không xem xét. Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên bị cáo cần trả lại.

[10] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn đề nghị nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Giàng Mìn S 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự: Huỷ bỏ biện pháp bảo lãnh đối với bị cáo Giàng Mìn S.

- Về vật chứng:

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Giàng Mìn S:

01 giấy phép lái xe hạng: A1, số: 020184003253; Cấp ngày 05/6/2018, mang tên Giàng Mìn Sính.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao vật chứng, tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 29/10/2024.

- Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

Cao Danh Nhân